

**1160****Series****SERIES UNI**

UNI系列

- Xoay chuyển linh hoạt, hình dáng đẹp, ưa nhìn, di chuyển êm, nhẹ.
Ngoài ra còn có thể lựa chọn phụ kiện bằng vật liệu inox.
- 轉動靈活、外型美觀，行走穩定順暢，另有不銹鋼材質的五金件可供選擇

**» Đặc điểm 特色區**Khóa giữa
中煞

Nắp chống bụi trên bánh xe chống tĩnh điện được làm màu vàng để phân biệt với các loại bánh xe khác.
搭配導電輪時，腳架上的車心防塵蓋會做黃色，以做區分

Bánh xe
chống tĩnh điện
導電輪**» Vật liệu bánh xe 輪子選項**Bánh TPR lõi PP
超級人造膠Ống trục/Ống bạc
中管**» Quy cách tấm lắp 底板規格**

Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
42X42mm	32X32mm	M4/M5
60X60mm	42.5X42.5mm	M6

» Quy cách trục trơn 插桿規格

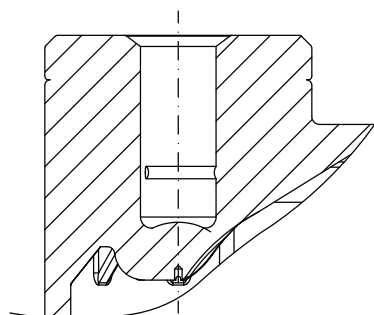
Đường kính x Độ dài trục trơn 插桿直徑 x 長度	Độ cao lỗ lắp 孔位高度	Kích thước lỗ lắp 孔尺寸
11X38mm	—	Vòng chữ C (C型鋼扣環)
11X22mm	—	Vòng chữ C (C型環)

» Quy cách trục ren 絲扣規格

M8X15mm	M8X25mm	3/8-16UNCX15mm	3/8-16UNCX25mm
M10X25mm	M12X25mm	1/2-12UNCX25mm	—

» Lỗ kín 盲孔規格

Đường kính lỗ 孔徑
10mm





 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Quy cách 規格	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號		 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
				Càng xoay 活動	Khóa giữa 中煞				
51mmx20mm (2"x13/16")	Tám lấp 四角底板	30kgs(66lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11600200262013	11600200264013	Ổng trục/ Ổng bạc 中管	86.5mm	24mm	Xoay 50mm Khóa 71mm 活動 50mm 煞車 71mm
	Trục ren 絲扣	30kgs(66lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11600200262023	11600200264023		79.5mm		
				11600200265043	11600200266043				
				11600200265033	11600200266033				
				11600200265023	11600200266023				
				11600200265223	11600200266223				
				11600200265013	11600200266013				
				11600200265293	11600200266293				
				11600200265213	11600200266213				
	Lỗ kín 盲孔	30kgs(66lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11600200269213	11600200269413		74mm		
	Trục trơn 插桿	30kgs(66lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11600200267023	11600200268023		79.5mm		
				11600200267043	11600200268043				
80mmx24mm (3.2"x1")	Tám lấp 四角底板	40kgs(88lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11602300262013	11602300264013	Ổng trục/ Ổng bạc 中管	116.5mm	34mm	Xoay 74.5mm Khóa 105mm 活動 74.5mm 煞車 105mm
	Trục ren 絲扣	40kgs(88lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11602300262023	11602300264023		109.5mm		
				11602300265043	11602300266043				
				11602300265033	11602300266033				
				11602300265023	11602300266023				
				11602300265223	11602300266223				
				11602300265013	11602300266013				
				11602300265293	11602300266293				
				11602300265213	11602300266213				
	Lỗ kín 盲孔	40kgs(88lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11602300269213	11602300269413		104mm		
	Trục trơn 插桿	40kgs(88lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	11602300267023	11602300268023		109.5mm		
				11602300267043	11602300268043				

